

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2018

V/v yêu cầu ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Song Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Toàn và bà Đỗ Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thai, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2018/TLST – HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc “Yêu cầu ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Bé T**, sinh năm 1992; Địa chỉ: (Nhà không có số) thuộc ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt);

Bị đơn: **Anh Trần Quốc Tuấn E**, sinh năm 1989; địa chỉ: (nhà không có số) thuộc ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2018 và tại phiên tòa chị Nguyễn Bé T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Tuấn E chung sống với nhau vào năm 2011, hôn nhân là tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Nguyên nhân ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, anh Tuấn E thường xuyên uống rượu, có nhiều lời lẽ xúc phạm chị và gia đình ruột của chị. Vợ chồng đã ly thân cách nay khoảng 04 tháng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Khải T, sinh ngày 29/4/2012, hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng cho con.

Về tài sản nợ chung: Không có nên không yêu cầu

Anh Trần Quốc Tuấn E trình bày tại phiên tòa

+ Về điều kiện kết hôn vợ anh trình bày là đúng, tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn do vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn , anh sẽ khắc phục , yêu cầu được đoàn tụ.

+ Về con chung: Anh xác định chị Bé T trình bày là đúng và anh đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị T và anh Tuấn E tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật nên hôn nhân là hợp pháp.

Nguyên nhân ly hôn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống , vợ chồng đã ly thân từ nhiều tháng nay, không còn quan tâm , lo lắng, chăm sóc cho nhau , điều này chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài , hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T ly hôn với anh Tuấn E.

Về con chung: Tại phiên tòa chị T và anh Tuấn E thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, xét thấy đây là sự thỏa thuận trên tinh thần tự nguyện của các bên và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên đề nghị cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do các đương sự không đặt ra yêu cầu nên tạm miễn việc cấp dưỡng cho anh Tuấn E.

Về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị T nộp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Bé T yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc Tuấn E, anh Tuấn E có địa chỉ cư trú tại ấp Trung Điền, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39

của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[2]. Về nội dung vụ án

[2.1]. Về hôn nhân: Chị T và anh Tuấn E chung sống với nhau năm 2011, hôn nhân là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu do vậy hôn nhân là hợp pháp.

Về nguyên nhân ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân ly hôn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân với nhau từ nhiều tháng nay, trong khoảng thời gian này mỗi người sống một nơi không còn quan tâm chăm sóc cho nhau điều này chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét thấy chấm dứt đời sống vợ chồng của chị T với anh Tuấn E là cần thiết theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Hội đồng xét xử có xem xét nguyện vọng đoàn tụ của anh Tuấn E nhưng thấy rằng trong thời gian xa nhau anh không có giải pháp hòa giải, hàn gắn gia đình để đến thời điểm hiện nay vợ chồng vẫn còn sống ly thân, vì vậy có kéo dài đời sống hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên yêu cầu đoàn tụ của anh Tuấn E không được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có một người con chung là Trần Khải T, sinh ngày 29/4/2012, hiện đang sống với chị T, tại phiên tòa chị T và anh Em đã thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự thỏa thuận trên tinh thần tự nguyện của các bên và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần được ghi nhận theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Tuấn E. Trường hợp sau này có phát sinh yêu cầu thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.4]. Về tài sản chung: Do chị T và anh Tuấn E không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.5]. Án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Nguyễn Bé T chịu 300.000 đồng, Chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ngày 08/3/2018 theo biên lai thu số 0011001 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Bé T với anh Trần Quốc Tuấn E.

2 - *Về con chung*: Tạm giao người con chung là Trần Khải T, sinh ngày 29/4/2012 cho chị Nguyễn Bé T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Quốc Tuấn E có quyền và nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở.

3- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Bé T chịu 300.000 đồng, Chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ngày 08/3/2018 theo biên lai thu số 0011001 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí.

Chị Nguyễn Bé T và anh Trần Quốc Tuấn E được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (24/4/2018).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- Chi Cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu.

(đã ký)

Kiều Song Toàn